

Số: 780/QĐ-ĐHNT

Khánh Hòa, ngày 21 tháng 06 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy định đào tạo trình độ tiến sĩ của Trường Đại học Nha Trang

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG

Căn cứ Quyết định số 155/CP ngày 16/8/1966 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập và quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Trường Thủy sản nay là Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ Quyết định số 58/2010/QĐ-TTg ngày 22/9/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Điều lệ trường đại học;

Căn cứ Thông tư số 10/2009/TT-BGDĐT ngày 07/5/2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ;

Căn cứ Thông tư số 05/2012/TT-BGDĐT ngày 15/02/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ ban hành kèm theo Thông tư số 10/2009/TT-BGDĐT ngày 07/5/2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Xét đề nghị của Trường khoa Sau Đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định đào tạo trình độ tiến sĩ của Trường Đại học Nha Trang.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, các quy định trước đây trái với Quy định này đều bị bãi bỏ.

Điều 3. Các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

HIỆU TRƯỞNG

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, SDH.

QUY ĐỊNH
ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ
CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 780/QĐ-ĐHNT ngày 21 /06 /2013
của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang)*

Chương 1. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy định này quy định đào tạo trình độ tiến sĩ của Trường Đại học Nha Trang bao gồm: quy định chung, tuyển sinh, chương trình đào tạo, tổ chức đào tạo, cấp bằng tiến sĩ, học phí và kinh phí bổ sung, khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm.

2. Quy định này áp dụng cho nghiên cứu sinh, giảng viên giảng dạy trình độ tiến sĩ, giảng viên hướng dẫn nghiên cứu sinh, khoa, viện đào tạo và đơn vị quản lý có liên quan đến đào tạo trình độ tiến sĩ của Trường Đại học Nha Trang.

Điều 2. Mục tiêu đào tạo

Đào tạo trình độ tiến sĩ để nghiên cứu sinh có trình độ cao về lý thuyết và thực hành, có năng lực nghiên cứu độc lập, sáng tạo, phát triển tri thức mới, phát hiện nguyên lý, quy luật tự nhiên - xã hội, và giải quyết những vấn đề mới về khoa học, công nghệ, hướng dẫn nghiên cứu khoa học và hoạt động chuyên môn.

Điều 3. Hình thức và thời gian đào tạo

1. Hình thức tập trung: nghiên cứu sinh tập trung học tập và nghiên cứu liên tục tại Trường. Thời gian đào tạo là 4 năm đối với người có bằng đại học và 3 năm đối với người có bằng thạc sĩ.

2. Hình thức không tập trung: nghiên cứu sinh không nhất thiết học tập và nghiên cứu liên tục tại Trường. Thời gian đào tạo là 5 năm đối với người có bằng đại học và 4 năm đối với người có bằng thạc sĩ, trong đó có ít nhất 12 tháng tập trung liên tục tại Trường.

Điều 4. Giảng viên giảng dạy chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ

Giảng viên giảng dạy chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

1. Có phẩm chất đạo đức và tư cách tốt.
2. Có bằng tiến sĩ hoặc chức danh giáo sư, phó giáo sư ở chuyên ngành hoặc ngành phù hợp với học phần sẽ đảm nhiệm trong chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ.
3. Có năng lực chuyên môn tốt và hiện đang hoạt động nghiên cứu khoa học, thể hiện ở các bài báo, công trình được công bố trước và trong thời gian giảng dạy

chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ.

Điều 5. Người hướng dẫn nghiên cứu sinh

1. Người hướng dẫn nghiên cứu sinh phải đáp ứng các tiêu chuẩn quy định tại Điều 4 của Quy định này và các tiêu chuẩn sau:

a) Có chức danh giáo sư hoặc phó giáo sư hoặc có bằng tiến sĩ. Nếu có bằng tiến sĩ nhưng chưa có chức danh khoa học thì phải sau khi nhận bằng tiến sĩ tối thiểu 3 năm;

b) Có bài báo, công trình nghiên cứu khoa học công bố trong 5 năm trở lại đây;

c) Có tên trong thông báo của Trường về danh mục đề tài, hướng nghiên cứu hay lĩnh vực nghiên cứu dự định nhận nghiên cứu sinh vào năm tuyển sinh;

d) Có khả năng đặt vấn đề và hướng dẫn nghiên cứu sinh giải quyết vấn đề khoa học đã đặt ra;

đ) Có năng lực ngoại ngữ phục vụ nghiên cứu chuyên ngành và trao đổi khoa học quốc tế;

e) Hiện không trong thời gian phải tạm ngừng nhận nghiên cứu sinh mới theo quy định tại khoản 5 Điều này.

2. Mỗi nghiên cứu sinh có không quá 2 người cùng hướng dẫn trong đó có tối thiểu 1 người là cán bộ giảng dạy cơ hữu của Trường. Trường hợp có 2 người hướng dẫn, người hướng dẫn thứ nhất (người hướng dẫn chính) có trách nhiệm chính trong việc hướng dẫn nghiên cứu sinh, người hướng dẫn thứ hai (người hướng dẫn phụ) hướng dẫn nghiên cứu sinh một số nội dung nghiên cứu cụ thể do người hướng dẫn chính phân công.

3. Giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ khoa học là cán bộ giảng dạy cơ hữu của Trường, có nhiều công trình nghiên cứu có giá trị, có nhiều kinh nghiệm trong hướng dẫn nghiên cứu sinh được độc lập hướng dẫn nghiên cứu sinh.

4. Mỗi người hướng dẫn khoa học không được nhận quá 2 nghiên cứu sinh được tuyển trong cùng một năm ở tất cả các cơ sở đào tạo. Giáo sư được hướng dẫn cùng lúc không quá 5 nghiên cứu sinh; phó giáo sư hoặc tiến sĩ khoa học được hướng dẫn cùng lúc không quá 4 nghiên cứu sinh; tiến sĩ được hướng dẫn cùng lúc không quá 3 nghiên cứu sinh ở tất cả các cơ sở đào tạo, kể cả nghiên cứu sinh đồng hướng dẫn và nghiên cứu sinh đã hết hạn đào tạo nhưng còn trong thời gian được phép quay lại cơ sở đào tạo xin bảo vệ luận án theo quy định tại Điều 57 của Quy định này.

5. Trong vòng 5 năm, tính đến ngày giao nhiệm vụ hướng dẫn nghiên cứu sinh, nếu người hướng dẫn khoa học có 2 nghiên cứu sinh không hoàn thành luận án vì lý do chuyên môn sẽ không được giao hướng dẫn nghiên cứu sinh mới.

6. Trường khuyến khích và tạo điều kiện để các nhà khoa học ngoài nước (là người Việt Nam hoặc người nước ngoài) có đủ các tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều này tham gia hướng dẫn nghiên cứu sinh.

Điều 6. Nhiệm vụ của người hướng dẫn nghiên cứu sinh

1. Tạo điều kiện cho nghiên cứu sinh tham gia các đề tài, dự án nghiên cứu có liên quan đến hướng nghiên cứu và đề tài luận án, tìm kiếm nguồn kinh phí hỗ trợ nghiên cứu sinh thực hiện đề tài luận án.

2. Duyệt kế hoạch học tập và nghiên cứu của nghiên cứu sinh.

3. Xác định danh mục học phần trong chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ bao gồm: các học phần ở trình độ đại học, trình độ thạc sĩ, trình độ tiến sĩ, các chuyên đề

tiến sĩ cho nghiên cứu sinh, đề xuất với trưởng khoa, viện quản lý ngành đề trình Hiệu trưởng quyết định.

4. Lên kế hoạch làm việc với nghiên cứu sinh theo định kỳ tuần, tháng, quý, năm.

5. Tổ chức, hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra, đôn đốc và phê duyệt nghiên cứu sinh học tập và thực hiện đề cương nghiên cứu, viết tiểu luận tổng quan, các chuyên đề tiến sĩ, đề tài luận án, tham gia hội nghị khoa học, công bố kết quả nghiên cứu.

6. Hướng dẫn nghiên cứu sinh chuẩn bị báo cáo chuyên đề theo lịch trình của bộ môn; chuẩn bị bài giảng, tài liệu giảng dạy để tham gia giảng dạy, trợ giảng và hướng dẫn sinh viên thực hành, thực tập và nghiên cứu khoa học.

7. Nhận xét về tình hình học tập, nghiên cứu và tiến độ đạt được của nghiên cứu sinh trong báo cáo định kỳ của nghiên cứu sinh gửi bộ môn, khoa, viện quản lý ngành.

8. Duyệt luận án của nghiên cứu sinh, xác nhận kết quả đã đạt được và đề nghị cho nghiên cứu sinh bảo vệ.

Điều 7. Trách nhiệm của nghiên cứu sinh

1. Trong quá trình đào tạo, nghiên cứu sinh là thành viên chính thức của một bộ môn thuộc khoa, viện quản lý ngành, có trách nhiệm báo cáo kế hoạch thực hiện chương trình học tập, nghiên cứu và đề cương nghiên cứu với bộ môn, khoa, viện quản lý ngành.

2. Trong quá trình đào tạo, nghiên cứu sinh phải:

a) Thường xuyên gặp gỡ xin ý kiến và trao đổi chuyên môn với người hướng dẫn theo kế hoạch và lịch đã định;

b) Tham gia đầy đủ và có báo cáo chuyên đề tại các buổi sinh hoạt khoa học của bộ môn và khoa, viện quản lý ngành;

c) Viết báo cáo khoa học, viết ít nhất 2 bài báo khoa học đăng trên các tạp chí khoa học có phản biện độc lập;

d) Tham gia các sinh hoạt khoa học có liên quan đến nhiệm vụ nghiên cứu của mình ở trong và ngoài Trường;

đ) Định kỳ hàng quý báo cáo kết quả học tập, nghiên cứu với người hướng dẫn, bộ môn và khoa, viện quản lý ngành.

3. Trong quá trình đào tạo, nghiên cứu sinh phải dành thời gian tham gia các hoạt động chuyên môn như trợ giảng, hướng dẫn sinh viên, học viên cao học thực hành, thực tập hoặc nghiên cứu khoa học theo sự phân công của bộ môn.

4. Vào đầu mỗi năm học, nghiên cứu sinh phải nộp cho bộ môn, khoa, viện quản lý ngành báo cáo kết quả học tập và nghiên cứu bao gồm: những học phần, số tín chỉ đã hoàn thành; kết quả nghiên cứu, tình hình công bố kết quả nghiên cứu; kế hoạch học tập, nghiên cứu trong năm học mới.

5. Nghiên cứu sinh không được:

a) Tìm hiểu hoặc tiếp xúc với phản biện độc lập;

b) Liên hệ hoặc gặp gỡ các thành viên Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ cấp Trường trước khi bảo vệ luận án;

c) Tham gia vào quá trình chuẩn bị tổ chức đánh giá luận án như đưa hồ sơ luận án đến các thành viên Hội đồng; tiếp xúc để lấy các bản nhận xét luận án của thành viên Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ cấp Trường, các nhà khoa học và các tổ chức khoa học.

Điều 8. Trách nhiệm của bộ môn quản lý nghiên cứu sinh

1. Tiếp nhận và quản lý nghiên cứu sinh trong suốt quá trình đào tạo, giao nhiệm vụ và giám sát nghiên cứu sinh thực hiện các nhiệm vụ được giao như một thành viên chính thức của bộ môn.

2. Phân công nghiên cứu sinh trợ giảng; hướng dẫn sinh viên, học viên cao học thực hành, thực tập, thực hiện luận văn tốt nghiệp (đồ án, khóa luận, luận văn) và nghiên cứu khoa học.

3. Ít nhất mỗi tháng 1 lần tổ chức sinh hoạt chuyên môn cho giảng viên và nghiên cứu sinh để nghiên cứu sinh báo cáo chuyên đề và kết quả nghiên cứu.

4. Định kỳ hàng quý:

- a) Nghe nghiên cứu sinh báo cáo kế hoạch, kết quả học tập và nghiên cứu;
- b) Xem xét đánh giá kết quả học tập, nghiên cứu; tinh thần, thái độ học tập, nghiên cứu; khả năng và triển vọng của nghiên cứu sinh.

Điều 9. Trách nhiệm của khoa, viện quản lý ngành

1. Thông qua Hội đồng Khoa học - Đào tạo khoa, viện quản lý ngành trước khi trình Hiệu trưởng quyết định các nội dung sau:

- a) Chương trình đào tạo, cập nhật chương trình đào tạo định kỳ 2 năm 1 lần;
- b) Danh mục tạp chí khoa học chuyên ngành mà nghiên cứu sinh phải gửi công bố kết quả nghiên cứu;
- c) Danh sách nhà khoa học trong và ngoài Trường tham gia phản biện độc lập luận án;
- d) Danh mục đề tài, hướng nghiên cứu hay lĩnh vực nghiên cứu có thể nhận nghiên cứu sinh hàng năm.

2. Đề xuất để Hiệu trưởng quyết định các nội dung sau:

- a) Giao hướng nghiên cứu, đề tài luận án, các chuyên đề tiến sĩ, người hướng dẫn và bộ môn quản lý nghiên cứu sinh;
- b) Danh sách các hội đồng đánh giá: đề cương nghiên cứu, tiểu luận tổng quan, chuyên đề tiến sĩ và luận án cấp cơ sở;
- c) Những thay đổi trong quá trình đào tạo: đổi hướng nghiên cứu, đổi đề tài luận án, điều chỉnh tên đề tài luận án, bổ sung hoặc thay đổi người hướng dẫn, rút ngắn hoặc kéo dài thời gian đào tạo, chuyển cơ sở đào tạo của nghiên cứu sinh.

3. Tham gia tổ chức đào tạo:

- a) Đề xuất với khoa Sau Đại học các nội dung sau:
 - Xác định các học phần cần thiết trong chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ bao gồm: các học phần ở trình độ đại học, thạc sĩ và tiến sĩ.
 - Kế hoạch giảng dạy các học phần ở trình độ tiến sĩ.
 - Phân công hoặc mời giảng viên trong hoặc ngoài khoa, viện giảng dạy các học phần ở trình độ tiến sĩ.
- b) Tổ chức các Hội đồng sau:
 - Đánh giá đề cương nghiên cứu đề tài luận án và tiểu luận tổng quan.
 - Đánh giá chuyên đề tiến sĩ.
 - Đánh giá luận án cấp cơ sở.
- c) Định kỳ 6 tháng 1 lần:
 - Báo cáo Hiệu trưởng tình hình học tập, nghiên cứu của nghiên cứu sinh, đề nghị tiếp tục hoặc dừng đào tạo nghiên cứu sinh.
 - Thông qua Hiệu trưởng, gửi báo cáo trên cho Thủ trưởng đơn vị công tác của

ngiên cứu sinh (nếu có).

4. Tổ chức, bố trí cơ sở vật chất, trang thiết bị thí nghiệm và đội ngũ cán bộ nghiên cứu hỗ trợ nghiên cứu sinh thực hiện các hoạt động nghiên cứu.

Điều 10. Trách nhiệm của Trường

1. Xây dựng kế hoạch và tổ chức tuyển sinh hàng năm theo chỉ tiêu đã được xác định và theo quy định tại Chương 2 của Quy định này.

2. Trên cơ sở đề nghị của trường khoa, viện quản lý ngành, quyết định các nội dung sau:

a) Chương trình đào tạo và cập nhật chương trình đào tạo;

b) Danh mục tạp chí khoa học mà nghiên cứu sinh phải gửi công bố kết quả nghiên cứu;

c) Công nhận nghiên cứu sinh, hướng nghiên cứu, đề tài luận án, ngành đào tạo, người hướng dẫn và thời gian đào tạo của nghiên cứu sinh;

d) Thành lập các Hội đồng đánh giá: đề cương nghiên cứu, tiểu luận tổng quan, chuyên đề tiến sĩ, luận án tiến sĩ cấp cơ sở;

đ) Những thay đổi trong quá trình đào tạo nghiên cứu sinh: đổi đề tài, điều chỉnh tên đề tài; bổ sung và đổi người hướng dẫn, thời gian đào tạo, hình thức đào tạo, chuyển cơ sở đào tạo, thay đổi thành viên hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ cấp cơ sở.

3. Tổ chức đào tạo theo chương trình đào tạo đã được duyệt, bao gồm:

a) Lập kế hoạch đào tạo, kế hoạch mời giảng;

b) Tổ chức giảng dạy các học phần;

c) Tổ chức thi và cấp chứng chỉ các học phần, bảng điểm;

d) Tổ chức phản biện độc lập luận án và đánh giá luận án tiến sĩ cấp Trường;

đ) Cấp giấy chứng nhận cho nghiên cứu sinh đã hoàn thành chương trình đào tạo, đã bảo vệ luận án tiến sĩ trong thời gian thẩm định luận án;

e) Cấp bằng tiến sĩ theo quy định tại Điều 60 của Quy định này và quản lý việc cấp bằng tiến sĩ theo quy định hiện hành;

g) Cấp bằng thạc sĩ cho nghiên cứu sinh theo quy định tại Điều 54 của Quy định này.

4. Hỗ trợ nghiên cứu sinh trong quá trình đào tạo, bao gồm:

a) Tạo điều kiện để nghiên cứu sinh đăng ký chủ trì hoặc tham gia thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học các cấp và dự án nghiên cứu của Trường liên quan đến hướng nghiên cứu của nghiên cứu sinh;

b) Cung cấp thiết bị, vật tư, tài liệu và các điều kiện cần thiết khác đảm bảo cho việc học tập và nghiên cứu của nghiên cứu sinh như đối với cán bộ của Trường;

c) Tạo điều kiện để nghiên cứu sinh được đi thực tập, tham gia hội nghị khoa học trong nước và nước ngoài;

d) Tổ chức các hội nghị, hội thảo khoa học thường niên và hội thảo khoa học quốc tế;

đ) Xuất bản thường kỳ tạp chí khoa học chuyên ngành của Trường.

5. Công bố công khai trên website của Trường:

a) Toàn văn luận án, tóm tắt luận án, những điểm mới của luận án (bằng Tiếng Việt và Tiếng Anh) từ khi chuẩn bị đánh giá luận án cấp Trường;

b) Danh sách nghiên cứu sinh hàng năm;

c) Các đề tài nghiên cứu mà nghiên cứu sinh đang thực hiện;

d) Danh sách nghiên cứu sinh đã được cấp bằng tiến sĩ.

6. Công tác báo cáo: thực hiện theo Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các quy định có liên quan.

7. Công tác lưu trữ:

a) Quyết định trúng tuyển, bảng điểm gốc, hồ sơ bảo vệ luận án các cấp, hồ sơ xét cấp bằng tiến sĩ, quyết định cấp bằng tiến sĩ, sổ gốc cấp bằng tiến sĩ là tài liệu được lưu trữ, bảo quản vĩnh viễn tại Trường;

b) Tài liệu tuyển sinh, đào tạo và các tài liệu khác được lưu trữ, bảo quản trong thời hạn 5 năm sau khi nghiên cứu sinh tốt nghiệp;

c) Các bài thi học phần, báo cáo chuyên đề, tiểu luận tổng quan của nghiên cứu sinh được bảo quản và lưu trữ đến khi nghiên cứu sinh tốt nghiệp;

d) Việc tiêu hủy tài liệu hết giá trị sử dụng được thực hiện theo quy định hiện hành.

Chương 2. TUYỂN SINH

Điều 11. Thời gian và hình thức tuyển sinh

1. Tuyển sinh đào tạo trình độ tiến sĩ được tổ chức từ 1 đến 2 lần/năm. Hiệu trưởng quyết định số lần tuyển sinh và thời điểm tuyển sinh của năm tiếp theo, đăng ký với Bộ Giáo dục và Đào tạo vào tháng 8 hàng năm.

2. Hình thức tuyển sinh: xét tuyển.

Điều 12. Điều kiện dự tuyển

Người dự tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ phải có các điều kiện sau:

1. Có bằng thạc sĩ phù hợp với ngành đăng ký dự tuyển. Trường hợp chưa có bằng thạc sĩ thì phải có bằng tốt nghiệp đại học hệ chính quy loại khá trở lên, ngành phù hợp với ngành đăng ký dự tuyển.

2. Có 1 bài luận về dự định nghiên cứu, trong đó trình bày rõ ràng đề tài hoặc lĩnh vực nghiên cứu, lý do lựa chọn lĩnh vực nghiên cứu, mục tiêu và mong muốn đạt được, lý do lựa chọn cơ sở đào tạo; kế hoạch thực hiện trong từng thời kỳ của thời gian đào tạo; những kinh nghiệm, kiến thức, sự hiểu biết cũng như những chuẩn bị của thí sinh trong vấn đề hay lĩnh vực dự định nghiên cứu; dự kiến việc làm sau khi tốt nghiệp; đề xuất người hướng dẫn. Vấn đề dự định nghiên cứu của thí sinh phải phù hợp với các lĩnh vực, hướng nghiên cứu mà khoa, viện hoặc bộ môn đang thực hiện hoặc có đủ điều kiện và người hướng dẫn.

3. Có 2 thư giới thiệu của 2 nhà khoa học có chức danh khoa học là giáo sư, phó giáo sư hoặc có học vị tiến sĩ cùng chuyên ngành; hoặc 1 thư giới thiệu của 1 nhà khoa học có học vị tiến sĩ cùng chuyên ngành và 1 thư giới thiệu của thủ trưởng đơn vị công tác của thí sinh. Người giới thiệu cần có ít nhất 6 tháng công tác hoặc cùng hoạt động chuyên môn với thí sinh. Thư giới thiệu phải có nhận xét, đánh giá về năng lực và phẩm chất của người dự tuyển, cụ thể:

a) Phẩm chất đạo đức, đặc biệt đạo đức nghề nghiệp;

b) Năng lực hoạt động chuyên môn;

c) Phương pháp làm việc;

d) Khả năng nghiên cứu;

đ) Khả năng làm việc theo nhóm;

e) Điểm mạnh và yếu của người dự tuyển;

- g) Triển vọng phát triển về chuyên môn;
 - h) Những nhận xét khác và mức độ ủng hộ thí sinh làm nghiên cứu sinh.
4. Có đủ trình độ ngoại ngữ để tham khảo tài liệu, tham gia hoạt động quốc tế về chuyên môn phục vụ nghiên cứu khoa học và thực hiện đề tài luận án quy định tại Điều 13 của Quy định này.
5. Được cơ quan công tác (nếu là người đã có việc làm), hoặc trường, viện nơi sinh viên vừa tốt nghiệp giới thiệu dự tuyển. Đối với người chưa có việc làm cần được địa phương nơi cư trú xác nhận nhân thân tốt và hiện không vi phạm pháp luật.
6. Cam kết thực hiện các nghĩa vụ tài chính trong quá trình đào tạo theo quy định của trường (đóng học phí và các khoản kinh phí đào tạo khác).

Điều 13. Yêu cầu về trình độ ngoại ngữ của người dự tuyển

Người dự tuyển phải có một trong các chứng chỉ hoặc văn bằng sau đây:

- 1. Chứng chỉ ngoại ngữ tương đương cấp độ B1 hoặc bậc 3/6 trở lên theo Khung Châu Âu chung về ngoại ngữ, trong thời hạn 2 năm tính đến ngày dự tuyển nghiên cứu sinh, do một trung tâm khảo thí quốc tế có thẩm quyền hoặc một trường đại học trong nước được phép cấp.
- 2. Bằng tốt nghiệp đại học hoặc bằng thạc sĩ được đào tạo ở nước ngoài.
- 3. Bằng tốt nghiệp đại học ngành ngoại ngữ.

Điều 14. Thông báo tuyển sinh

- 1. Chậm nhất 3 tháng trước mỗi đợt tuyển sinh, Trường ra thông báo tuyển sinh.
- 2. Thông báo tuyển sinh được đăng trên website của Trường và Bộ Giáo dục và Đào tạo với các nội dung chính như sau:
 - a) Chỉ tiêu tuyển sinh của từng ngành, chuyên ngành;
 - b) Kế hoạch tuyển sinh;
 - c) Hồ sơ dự tuyển và thời gian nhận hồ sơ;
 - d) Thời gian xét tuyển, công bố kết quả tuyển chọn và nhập học;
 - đ) Danh mục hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu hoặc đề tài nghiên cứu, kèm theo danh sách nhà khoa học có thể nhận hướng dẫn nghiên cứu sinh, số lượng nghiên cứu sinh có thể tiếp nhận theo từng hướng nghiên cứu hoặc lĩnh vực nghiên cứu;
 - e) Các yêu cầu, thông tin cần thiết khác đối với thí sinh trong kỳ tuyển sinh.

Điều 15. Hội đồng tuyển sinh

- 1. Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh. Thành phần của Hội đồng tuyển sinh gồm: Chủ tịch, Ủy viên thường trực và các ủy viên.
 - a) Chủ tịch: Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng được Hiệu trưởng uỷ quyền;
 - b) Ủy viên thường trực: Trưởng khoa Sau Đại học;
 - c) Các ủy viên: Trưởng khoa, viện hoặc Phó Trưởng khoa, viện quản lý ngành có thí sinh đăng ký dự tuyển. Những người có người thân (vợ, chồng, con, anh chị em ruột) dự tuyển không được tham gia Hội đồng tuyển sinh và các ban giúp việc cho Hội đồng tuyển sinh.
- 2. Trách nhiệm và quyền hạn của Hội đồng tuyển sinh: thông báo tuyển sinh; tiếp nhận hồ sơ dự tuyển; tổ chức xét tuyển và công nhận trúng tuyển; tổng kết công tác tuyển sinh; quyết định khen thưởng, kỷ luật; báo cáo kịp thời kết quả công tác

tuyển sinh cho Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Trách nhiệm và quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh:

a) Phổ biến, hướng dẫn, tổ chức thực hiện các quy định về tuyển sinh quy định tại Chương 2 của Quy định này;

b) Quyết định và chịu trách nhiệm trước Hiệu trưởng toàn bộ các mặt công tác liên quan đến tuyển sinh theo quy định tại Chương 2 của Quy định này; đảm bảo quá trình tuyển chọn được công khai, minh bạch, có trách nhiệm trước xã hội, chọn được thí sinh có động lực, năng lực, triển vọng nghiên cứu và khả năng hoàn thành tốt đề tài nghiên cứu, theo kế hoạch chỉ tiêu đào tạo và các hướng nghiên cứu của trường;

c) Quyết định thành lập các ban giúp việc cho Hội đồng tuyển sinh bao gồm Ban Thư ký Hội đồng tuyển sinh và các Tiểu ban chuyên môn. Các ban này chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh.

Điều 16. Ban Thư ký Hội đồng tuyển sinh

1. Thành phần Ban Thư ký Hội đồng tuyển sinh gồm có: Trưởng ban do Ủy viên thường trực Hội đồng tuyển sinh kiêm nhiệm và các uỷ viên.

2. Trách nhiệm và quyền hạn của Ban Thư ký Hội đồng tuyển sinh:

a) Nhận và xử lý hồ sơ của thí sinh; thu lệ phí dự tuyển;

b) Lập danh sách trích ngang các thí sinh đủ điều kiện dự tuyển cùng hồ sơ hợp lệ của thí sinh;

c) Xây dựng thang điểm đánh giá thí sinh để trình Hội đồng tuyển sinh phê duyệt;

d) Tiếp nhận và tổng hợp kết quả đánh giá, xếp loại của các tiểu ban chuyên môn để trình Hội đồng tuyển sinh xét tuyển;

đ) Gửi giấy báo kết quả xét tuyển cho thí sinh dự tuyển.

3. Trách nhiệm của Trưởng ban Thư ký: Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh trong việc điều hành công tác của Ban Thư ký.

Điều 17. Tiểu ban chuyên môn

1. Căn cứ hồ sơ dự tuyển, ngành, chuyên ngành và hướng nghiên cứu của các thí sinh do Ban Thư ký tuyển sinh chuyển tới, trưởng khoa, viện đề xuất các tiểu ban chuyên môn và thành viên của từng tiểu ban để trình Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh quyết định.

2. Tiểu ban chuyên môn có ít nhất 5 người có trình độ tiến sĩ trở lên, am hiểu lĩnh vực và vấn đề dự định nghiên cứu của thí sinh, là thành viên, cán bộ khoa học, giảng viên trong trường hoặc ngoài trường (do Trưởng khoa, viện mời nếu cần) và người dự kiến hướng dẫn thí sinh nếu trúng tuyển. Thành phần Tiểu ban chuyên môn gồm có Trưởng tiểu ban và các thành viên tiểu ban.

3. Tiểu ban chuyên môn có trách nhiệm: tổ chức xem xét, đánh giá hồ sơ dự tuyển, bảo vệ bài luận về dự định nghiên cứu và xếp loại thí sinh dự tuyển theo mức độ xuất sắc, khá, trung bình hoặc không tuyển.

Điều 18. Quy trình xét tuyển nghiên cứu sinh

1. Tiểu ban chuyên môn đánh giá, phân loại thí sinh thông qua hồ sơ dự tuyển: kết quả học tập ở trình độ đại học, thạc sĩ; trình độ ngoại ngữ; thành tích nghiên cứu khoa học; kinh nghiệm hoạt động chuyên môn; chất lượng bài luận về dự định nghiên

cứ; ý kiến nhận xét đánh giá và ủng hộ thí sinh trong 2 thư giới thiệu.

2. Tiểu ban chuyên môn đánh giá thí sinh thông qua phần bảo vệ về dự định nghiên cứu. Các thành viên Tiểu ban chuyên môn đặt câu hỏi để đánh giá thí sinh về các mặt: tính cách, trí tuệ, sự rõ ràng về ý tưởng đối với mong muốn đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo, tính khả thi trong kế hoạch để đạt những mong muốn đó và những tư chất cần có của một nghiên cứu sinh. Tiểu ban chuyên môn phải có văn bản nhận xét, đánh giá phân loại thí sinh về các nội dung này.

3. Tiểu ban chuyên môn tổng hợp kết quả đánh giá của các thành viên, xếp loại thí sinh và chuyển về Ban Thư ký Hội đồng tuyển sinh.

4. Ban Thư ký Hội đồng tuyển sinh kiểm tra lại hồ sơ dự tuyển, tổng hợp kết quả đánh giá, xếp loại của tất cả thí sinh dự tuyển để trình Hội đồng tuyển sinh.

5. Hội đồng tuyển sinh quy định nguyên tắc xét tuyển và xác định danh sách thí sinh trúng tuyển căn cứ chỉ tiêu tuyển sinh từng ngành đào tạo và kết quả xếp loại của các thí sinh, trình Hiệu trưởng phê duyệt.

Điều 19. Triệu tập thí sinh trúng tuyển

Căn cứ danh sách thí sinh trúng tuyển được Hiệu trưởng duyệt, Trường gửi giấy báo nhập học đến các thí sinh trúng tuyển.

Chương 3. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Điều 20. Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ

1. Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ nhằm giúp nghiên cứu sinh:

a) Hoàn chỉnh và nâng cao kiến thức cơ bản, có hiểu biết sâu về kiến thức chuyên ngành; có kiến thức rộng về các ngành liên quan; kiến thức lý luận nền tảng và kiến thức có tính ứng dụng của ngành và chuyên ngành;

b) Tự rèn luyện khả năng nghiên cứu, khả năng độc lập xác định vấn đề và giải quyết vấn đề thuộc lĩnh vực chuyên môn, khả năng thực hành cần thiết, viết bài báo khoa học và trình bày kết quả nghiên cứu.

2. Phương pháp đào tạo ở trình độ tiến sĩ được thực hiện chủ yếu bằng tự học, tự nghiên cứu dưới sự hướng dẫn của nhà giáo, nhà khoa học; coi trọng phát triển tư duy sáng tạo trong phát hiện, giải quyết những vấn đề chuyên môn.

3. Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ gồm 3 phần:

a) Phần 1: Các học phần bổ sung;

b) Phần 2: Các học phần ở trình độ tiến sĩ, đề cương nghiên cứu đề tài luận án, tiểu luận tổng quan và các chuyên đề tiến sĩ;

c) Phần 3: Luận án tiến sĩ.

Điều 21. Các học phần bổ sung

Các học phần bổ sung giúp nghiên cứu sinh có đủ kiến thức và trình độ chuyên môn để thực hiện nhiệm vụ của nghiên cứu sinh.

1. Đối với nghiên cứu sinh chưa có bằng thạc sĩ: các học phần bổ sung bao gồm các học phần ở trình độ thạc sĩ thuộc ngành tương ứng, có thời lượng tối thiểu 27 tín chỉ, chưa kể học phần Triết học.

2. Đối với nghiên cứu sinh đã có bằng thạc sĩ nhưng ở ngành gần với ngành đào

tạo trình độ tiến sĩ, hoặc có bằng thạc sĩ đúng ngành nhưng tốt nghiệp đã nhiều năm hoặc do cơ sở đào tạo khác cấp, nghiên cứu sinh phải học bổ sung một số học phần ở trình độ thạc sĩ cần thiết theo yêu cầu của ngành đào tạo và lĩnh vực nghiên cứu có thời lượng từ 4 đến 6 tín chỉ.

3. Trường hợp cần thiết, nếu chương trình đào tạo trình độ đại học của nghiên cứu sinh còn thiếu những học phần có vai trò quan trọng cho việc đào tạo trình độ tiến sĩ, nghiên cứu sinh phải học bổ sung một số học phần ở trình độ đại học có thời lượng từ 4 đến 6 tín chỉ.

Điều 22. Các học phần ở trình độ tiến sĩ

1. Các học phần ở trình độ tiến sĩ nhằm trang bị cho nghiên cứu sinh kiến thức mới trong lĩnh vực chuyên môn, nâng cao trình độ lý thuyết, phương pháp luận nghiên cứu và khả năng ứng dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học quan trọng, thiết yếu của lĩnh vực nghiên cứu.

2. Các học phần ở trình độ tiến sĩ bao gồm các học phần bắt buộc và các học phần tự chọn, trong đó:

a) Các học phần bắt buộc là những học phần căn bản, liên quan đến những kiến thức cốt lõi ở mức độ cao của ngành và chuyên ngành;

b) Các học phần tự chọn có nội dung chuyên sâu phù hợp với hướng nghiên cứu và đề tài nghiên cứu hoặc hỗ trợ rèn luyện phương pháp nghiên cứu, cách viết bài báo khoa học. Tổng thời lượng của các học phần tự chọn chiếm từ 30 đến 50% tổng thời lượng của các học phần ở trình độ tiến sĩ.

3. Mỗi học phần ở trình độ tiến sĩ có thời lượng từ 2 đến 3 tín chỉ. Mỗi nghiên cứu sinh phải hoàn thành từ 3 đến 5 học phần với thời lượng từ 8 đến 12 tín chỉ.

Điều 23. Đề cương nghiên cứu đề tài luận án

Đề cương nghiên cứu đề tài luận án của nghiên cứu sinh phải bao gồm các phần cơ bản sau: tên đề tài; lý do chọn đề tài; mục tiêu nghiên cứu; đối tượng và phạm vi nghiên cứu; nội dung nghiên cứu cơ bản; phương pháp nghiên cứu; các kết quả dự kiến; dự kiến kế hoạch và kinh phí thực hiện đề tài luận án và tài liệu tham khảo.

Điều 24. Tiểu luận tổng quan

Tiểu luận tổng quan đòi hỏi nghiên cứu sinh phân tích và đánh giá các công trình nghiên cứu đã có của các tác giả trong và ngoài nước liên quan mật thiết đến đề tài nghiên cứu, nêu lên những vấn đề còn tồn tại, chỉ ra những vấn đề mà luận án cần tập trung giải quyết.

Điều 25. Các chuyên đề tiến sĩ

1. Các chuyên đề tiến sĩ đòi hỏi nghiên cứu sinh cập nhật kiến thức mới liên quan trực tiếp đến đề tài luận án, nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học, giúp nghiên cứu sinh giải quyết một số nội dung của đề tài luận án.

2. Mỗi nghiên cứu sinh phải hoàn thành tối thiểu 2 chuyên đề tiến sĩ với thời lượng tối thiểu 4 tín chỉ.

Điều 26. Luận án tiến sĩ

Luận án tiến sĩ là một công trình nghiên cứu khoa học sáng tạo của chính nghiên cứu sinh, có đóng góp về mặt lý luận và thực tiễn trong lĩnh vực nghiên cứu hoặc giải pháp mới có giá trị trong việc phát triển, gia tăng tri thức khoa học của lĩnh vực nghiên cứu, giải quyết sáng tạo các vấn đề của ngành khoa học hay thực tiễn kinh tế - xã hội.

Chương 4. TỔ CHỨC ĐÀO TẠO

Điều 27. Tổ chức nhập học

1. Thủ tục nhập học cho thí sinh trúng tuyển bao gồm: tiếp nhận hồ sơ; cấp thẻ nghiên cứu sinh, thẻ thư viện; tổ chức lễ khai giảng; phổ biến kế hoạch đào tạo, chương trình đào tạo, quy định đào tạo, nghĩa vụ và quyền lợi của nghiên cứu sinh; tổ chức cho nghiên cứu sinh đăng ký hình thức, thời gian đào tạo, hướng nghiên cứu và người hướng dẫn.

2. Thí sinh nhập học chậm sau 15 ngày trở lên kể từ ngày ghi trong giấy báo nhập học, nếu không có lý do chính đáng coi như bỏ học.

3. Sau khi thí sinh hoàn thành thủ tục nhập học, Hiệu trưởng ra quyết định công nhận nghiên cứu sinh (bao gồm ngành đào tạo, hình thức và thời gian đào tạo).

Điều 28. Kế hoạch đào tạo khung

1. Đối với nghiên cứu sinh theo hình thức đào tạo tập trung:

Thời gian	Học tập	Nghiên cứu
Năm 1	- Hoàn thành các học phần bổ sung ở trình độ đại học, thạc sĩ và các học phần ở trình độ tiến sĩ.	- Bảo vệ đề cương nghiên cứu đề tài luận án và tiểu luận tổng quan. - Xác định tên đề tài luận án và các chuyên đề tiến sĩ. - Thực hiện các chuyên đề tiến sĩ.
Năm 2	- Tự học ngoại ngữ.	- Thực hiện và bảo vệ các chuyên đề tiến sĩ. - Thực hiện nghiên cứu đề tài luận án.
Năm 3	- Tự học và thi lấy bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ theo quy định.	- Tiếp tục thực hiện nghiên cứu đề tài luận án. - Công bố tối thiểu 2 bài báo trên các tạp chí khoa học chuyên ngành. - Trình và bảo vệ luận án tiến sĩ.

2. Đối với nghiên cứu sinh theo hình thức đào tạo không tập trung, yêu cầu thực hiện các nhiệm vụ học tập và nghiên cứu 2 năm đầu tiên tương tự nghiên cứu sinh theo hình thức đào tạo tập trung.

Điều 29. Tổ chức giảng dạy và đánh giá học phần

1. Khi tiếp nhận nghiên cứu sinh, căn cứ trình độ, văn bằng, bảng điểm trình độ đại học và thạc sĩ của nghiên cứu sinh, người hướng dẫn và Hội đồng Khoa học và Đào tạo khoa, viện quản lý ngành dựa trên chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ để đề xuất các học phần bổ sung ở trình độ đại học, thạc sĩ, các học phần ở trình độ tiến sĩ sao cho phù hợp, thiết thực với hướng nghiên cứu của nghiên cứu sinh.

2. Trên cơ sở đề xuất của khoa, viện quản lý ngành, khoa Sau Đại học xây dựng

kế hoạch đào tạo và thông báo cho nghiên cứu sinh thực hiện theo nguyên tắc:

a) Đối với các học phần bổ sung ở trình độ đại học, nghiên cứu sinh đăng ký tại Phòng Đào tạo để được bố trí học theo lớp đại học cùng ngành đào tạo;

b) Đối với các học phần bổ sung ở trình độ thạc sĩ, nghiên cứu sinh đăng ký tại khoa Sau Đại học để được bố trí học theo lớp thạc sĩ cùng ngành đào tạo;

c) Đối với các học phần ở trình độ tiến sĩ, nghiên cứu sinh phải học theo lớp do khoa Sau Đại học phối hợp với khoa, viện quản lý ngành tổ chức.

d) Điểm học phần từ 5,5 (theo thang điểm 10) hoặc từ C (theo thang điểm chữ) trở lên là đạt yêu cầu.

3. Tổ chức giảng dạy học phần ở trình độ tiến sĩ phải đảm bảo khuyến khích và đòi hỏi nghiên cứu sinh chủ động, tự học và tự nghiên cứu.

4. Tổ chức đánh giá học phần ở trình độ tiến sĩ phải đảm bảo các yêu cầu sau:

a) Bao gồm hai phần bắt buộc là đánh giá quá trình và thi kết thúc học phần. Đánh giá quá trình được thực hiện dưới các hình thức như: kiểm tra giữa kỳ, bài tập, bài tập lớn, tiểu luận, dự án, đồ án hoặc các hình thức khác. Thi kết thúc học phần theo một trong các hình thức: viết, vấn đáp hoặc tiểu luận;

b) Điểm đánh giá quá trình và thi kết thúc học phần theo thang điểm **10** (từ 0 đến 10), cho điểm chẵn;

c) Điểm học phần là tổng các điểm đánh giá đã nhân với trọng số và được làm tròn đến 1 chữ số thập phân;

d) Nghiên cứu sinh được phép thi kết thúc học phần lại 1 lần duy nhất sau tối thiểu 3 tháng nếu điểm học phần lần đầu chưa đạt yêu cầu.

5. Trong thời gian tối đa là 24 tháng kể từ khi có quyết định công nhận nghiên cứu sinh, nghiên cứu sinh phải hoàn thành các học phần bổ sung (nếu có) và các học phần ở trình độ tiến sĩ theo quy định của chương trình đào tạo.

Điều 30. Giao hướng nghiên cứu

1. Trong vòng 1 tháng kể từ khi có quyết định công nhận nghiên cứu sinh, trên cơ sở kết quả bảo vệ bài luận về dự định nghiên cứu và đề nghị của khoa, viện quản lý ngành, khoa Sau Đại học trình Hiệu trưởng quyết định giao hướng nghiên cứu, người hướng dẫn và bộ môn quản lý nghiên cứu sinh.

2. Nghiên cứu sinh được phép thay đổi hướng nghiên cứu trong vòng 6 tháng kể từ khi có quyết định giao hướng nghiên cứu nếu có lý do chính đáng và được người hướng dẫn đồng ý. Hiệu trưởng quyết định thay đổi hướng nghiên cứu của nghiên cứu sinh trên cơ sở ý kiến của người hướng dẫn và đề nghị của trưởng khoa, viện quản lý ngành.

3. Trong vòng 12 tháng kể từ khi có quyết định công nhận nghiên cứu sinh, nghiên cứu sinh phải hoàn thành và bảo vệ đề cương nghiên cứu và tiểu luận tổng quan theo hướng nghiên cứu đã được giao.

Điều 31. Đánh giá đề cương nghiên cứu và tiểu luận tổng quan

1. Hội đồng đánh giá đề cương nghiên cứu và tiểu luận tổng quan:

a) Gồm 3 thành viên: Chủ tịch, Thư ký và Ủy viên Hội đồng. Người hướng dẫn nếu tham gia Hội đồng thì chỉ trên tư cách Ủy viên;

b) Các thành viên Hội đồng có chức danh khoa học, có bằng tiến sĩ khoa học hoặc tiến sĩ và am hiểu lĩnh vực nghiên cứu của nghiên cứu sinh;

b) Hội đồng do Hiệu trưởng quyết định thành lập trên cơ sở đề nghị của trưởng

khoa, viện quản lý ngành.

2. Đánh giá đề cương nghiên cứu:

a) Nghiên cứu sinh trình bày đề cương nghiên cứu trước Hội đồng đánh giá, các thành viên Hội đồng và những người tham gia chất vấn, nghiên cứu sinh trả lời;

b) Hội đồng phải có biên bản đánh giá đề cương nghiên cứu của nghiên cứu sinh về các nội dung: tên đề tài, mục tiêu nghiên cứu, đối tượng và phạm vi nghiên cứu, nội dung nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu, đánh giá chung ở các mức: đạt yêu cầu hoặc không đạt yêu cầu và yêu cầu điều chỉnh, bổ sung (nếu có).

c) Nếu đề cương nghiên cứu không đạt yêu cầu, nghiên cứu sinh được bảo vệ lại duy nhất 1 lần và sớm nhất sau 3 tháng kể từ lần bảo vệ đầu tiên. Hội đồng đánh giá lần hai được giữ nguyên như lần đầu trừ trường hợp bất khả kháng. Nếu đề cương nghiên cứu vẫn không đạt yêu cầu khi bảo vệ lần hai, nghiên cứu sinh sẽ bị dừng đào tạo và trả về cơ quan công tác.

3. Đánh giá tiểu luận tổng quan:

Trên cơ sở đọc tiểu luận tổng quan và chất vấn nghiên cứu sinh, Hội đồng chấm điểm tiểu luận tổng quan của nghiên cứu sinh theo nguyên tắc:

a) Tiểu luận tổng quan phải đáp ứng yêu cầu tối thiểu quy định tại Điều 24 của Quy định này;

b) Điểm chấm tiểu luận tổng quan của từng thành viên theo thang điểm 10, cho điểm chẵn. Điểm tiểu luận tổng quan là điểm trung bình chung của các thành viên Hội đồng và được làm tròn đến 1 chữ số thập phân;

c) Tiểu luận tổng quan được coi là đạt yêu cầu nếu điểm trung bình chung của các thành viên Hội đồng từ 7 (theo thang điểm 10) hoặc từ B (theo thang điểm chữ) trở lên;

d) Nếu tiểu luận tổng quan không đạt yêu cầu, nghiên cứu sinh được bảo vệ lại duy nhất 1 lần và sớm nhất sau 3 tháng kể từ lần bảo vệ đầu tiên. Hội đồng đánh giá lần hai được giữ nguyên như lần đầu trừ trường hợp bất khả kháng. Nếu tiểu luận tổng quan vẫn không đạt yêu cầu khi bảo vệ lần hai, nghiên cứu sinh sẽ bị dừng đào tạo và trả về cơ quan công tác.

4. Khoa, viện quản lý ngành chịu trách nhiệm tổ chức đánh giá đề cương nghiên cứu và tiểu luận tổng quan của nghiên cứu sinh theo quy định.

Điều 32. Giao đề tài luận án tiến sĩ

1. Căn cứ kết quả bảo vệ đề cương nghiên cứu và kiến nghị của Hội đồng đánh giá, người hướng dẫn xác định tên đề tài luận án cho nghiên cứu sinh.

2. Hiệu trưởng quyết định giao đề tài luận án trên cơ sở ý kiến của người hướng dẫn và đề nghị của trưởng khoa, viện quản lý ngành.

Điều 33. Giao các chuyên đề tiến sĩ

1. Căn cứ đề tài luận án của nghiên cứu sinh, danh mục chuyên đề tiến sĩ trong chương trình đào tạo, người hướng dẫn xác định tên các chuyên đề tiến sĩ cho nghiên cứu sinh.

2. Hiệu trưởng quyết định giao chuyên đề tiến sĩ trên cơ sở ý kiến của người hướng dẫn và đề nghị của trưởng khoa, viện quản lý ngành.

3. Thời gian thực hiện chuyên đề tiến sĩ không quá 1 năm. Trong vòng 2 năm kể từ khi có quyết định công nhận nghiên cứu sinh, nghiên cứu sinh phải hoàn thành và bảo vệ các chuyên đề tiến sĩ.

Điều 34. Tổ chức nghiên cứu khoa học

1. Nghiên cứu khoa học là hoạt động mang tính bắt buộc đối với nghiên cứu sinh, là cơ sở quan trọng để nghiên cứu sinh thực hiện các chuyên đề tiến sĩ và đề tài luận án.

2. Căn cứ hướng nghiên cứu của nghiên cứu sinh, người hướng dẫn, bộ môn và khoa, viện quản lý ngành có trách nhiệm:

a) Tạo điều kiện cho nghiên cứu sinh tham gia thực hiện các đề tài, dự án liên quan đến đề tài luận án của nghiên cứu sinh mà người hướng dẫn, bộ môn và khoa, viện đang chủ trì;

b) Hướng dẫn, hỗ trợ nghiên cứu sinh đăng ký thực hiện đề tài khoa học các cấp liên quan đến đề tài luận án nếu thấy cần thiết;

c) Tìm kiếm nguồn kinh phí hỗ trợ nghiên cứu sinh thực hiện đề tài luận án;

d) Tổ chức, bố trí cơ sở vật chất, trang thiết bị thí nghiệm và đội ngũ cán bộ nghiên cứu hỗ trợ nghiên cứu sinh thực hiện nghiên cứu.

Điều 35. Đánh giá chuyên đề tiến sĩ

1. Hội đồng đánh giá chuyên đề tiến sĩ:

a) Gồm 3 thành viên: Chủ tịch, Thư ký và Ủy viên Hội đồng. Người hướng dẫn nếu tham gia Hội đồng thì chỉ trên tư cách Ủy viên;

b) Các thành viên Hội đồng có chức danh khoa học, có bằng tiến sĩ khoa học hoặc tiến sĩ và am hiểu lĩnh vực nghiên cứu của nghiên cứu sinh;

c) Hội đồng đánh giá do Hiệu trưởng quyết định thành lập trên cơ sở đề nghị của trưởng khoa, viện quản lý ngành.

2. Đánh giá chuyên đề tiến sĩ:

Trên cơ sở đọc chuyên đề tiến sĩ và chất vấn nghiên cứu sinh, Hội đồng chấm điểm chuyên đề tiến sĩ của nghiên cứu sinh theo nguyên tắc:

a) Chuyên đề tiến sĩ phải đáp ứng yêu cầu tối thiểu quy định tại khoản 1 Điều 25 của Quy định này;

b) Điểm chấm chuyên đề của từng thành viên theo thang điểm 10, lẻ đến 0,5 điểm. Điểm chuyên đề là điểm trung bình chung của các thành viên Hội đồng;

c) Chuyên đề tiến sĩ được coi là đạt yêu cầu nếu điểm trung bình chung của các thành viên Hội đồng từ 7 (theo thang điểm 10) hoặc từ B (theo thang điểm chữ) trở lên.

3. Nếu chuyên đề tiến sĩ không đạt yêu cầu, nghiên cứu sinh được bảo vệ lại duy nhất 1 lần và sớm nhất sau 3 tháng kể từ lần bảo vệ đầu tiên. Hội đồng đánh giá chuyên đề tiến sĩ lần thứ hai được giữ nguyên như lần đầu trừ trường hợp bất khả kháng. Nếu chuyên đề tiến sĩ vẫn không đạt yêu cầu khi bảo vệ lần thứ hai, nghiên cứu sinh sẽ bị dừng đào tạo và trả về cơ quan công tác.

4. Khoa, viện quản lý ngành chịu trách nhiệm tổ chức đánh giá chuyên đề tiến sĩ của nghiên cứu sinh theo quy định.

Điều 36. Thay đổi đề tài luận án

1. Việc thay đổi đề tài luận án chỉ thực hiện khi có lý do chính đáng như:

a) Đề tài nghiên cứu đã có người bảo vệ;

b) Khó khăn về phương tiện, thiết bị, hoá chất... không thể khắc phục được.

2. Nghiên cứu sinh được phép đổi đề tài luận án trong nửa đầu thời gian đào tạo

và phải được người hướng dẫn chấp thuận.

3. Trường hợp này nghiên cứu sinh phải bảo vệ đề cương nghiên cứu đề tài mới, thực hiện lại tiểu luận tổng quan và các chuyên đề tiến sĩ phù hợp với đề tài luận án mới.

4. Hiệu trưởng quyết định thay đổi đề tài luận án trên cơ sở đề nghị của trường khoa, viện quản lý ngành.

Điều 37. Điều chỉnh tên đề tài luận án

1. Điều chỉnh tên đề tài luận án nhằm đạt sự chuẩn xác hoặc phù hợp với nội dung nghiên cứu phát sinh trong quá trình thực hiện.

2. Đối với luận án mà khi bảo vệ ở cấp cơ sở, Hội đồng đề nghị sửa đổi, điều chỉnh tên đề tài luận án cho phù hợp, chính xác với nội dung luận án và kết quả đạt được thì Hội đồng cần có quyết nghị về vấn đề này trong Biên bản họp Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở.

3. Hiệu trưởng quyết định điều chỉnh tên đề tài luận án trên cơ sở ý kiến của người hướng dẫn và đề nghị của trường khoa, viện quản lý ngành hoặc của Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở và ý kiến của trường khoa Sau Đại học.

Điều 38. Bổ sung hoặc thay đổi người hướng dẫn

1. Việc bổ sung hoặc thay đổi người hướng dẫn được xem xét trong những trường hợp thật cần thiết như:

a) Người hướng dẫn chuyển công tác, đi công tác nước ngoài dài hạn, ốm nặng kéo dài, qua đời, ...;

b) Do yêu cầu của đề tài nghiên cứu.

2. Người hướng dẫn bổ sung hoặc thay thế cũng phải đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn quy định tại Điều 5 của Quy định này.

3. Việc bổ sung hoặc thay đổi người hướng dẫn phải được thực hiện chậm nhất 1 năm trước khi nghiên cứu sinh bảo vệ luận án.

4. Hiệu trưởng quyết định bổ sung hoặc thay đổi người hướng dẫn trên cơ sở ý kiến của người hướng dẫn và đề nghị của trường khoa, viện quản lý ngành.

Điều 39. Bảo vệ trước thời hạn

1. Nghiên cứu sinh được bảo vệ luận án trước thời hạn nếu:

a) Đáp ứng các điều kiện để được bảo vệ luận án quy định tại Điều 40 của Quy định này;

b) Không sớm hơn 2/3 thời gian đào tạo ghi trong quyết định công nhận nghiên cứu sinh.

2. Hiệu trưởng quyết định cho nghiên cứu sinh bảo vệ luận án trước thời hạn trên cơ sở ý kiến của người hướng dẫn và đề nghị của trường khoa, viện quản lý ngành.

Điều 40. Yêu cầu đối với luận án tiến sĩ

1. Về nội dung:

a) Chỉ ra được những đóng góp mới về mặt học thuật;

b) Vận dụng lý luận khoa học cơ bản để phân tích quan điểm và kết quả đã đạt

được trong các công trình nghiên cứu trước đây liên quan đến đề tài luận án, trên cơ sở đó chỉ ra được hướng mới, xây dựng giả thuyết mới hoặc đề xuất giải pháp mới có ý nghĩa khoa học giải quyết các vấn đề mà luận án đặt ra bằng lý luận khoa học và các tư liệu mới.

2. Về hình thức: Luận án phải được trình bày:

- a) Bằng văn phong khoa học;
- b) Bằng Tiếng Việt hoặc Tiếng Anh;
- c) Mạch lạc, rõ ràng, sạch sẽ, khúc chiết và chặt chẽ;
- d) Theo quy định của Trường.

3. Về khối lượng:

Luận án tiến sĩ có khối lượng không quá 150 trang A4, không kể phụ lục, trong đó có ít nhất 50% số trang trình bày kết quả nghiên cứu và biện luận của riêng nghiên cứu sinh.

4. Về bố cục: Luận án tiến sĩ phải có bố cục gồm các phần và chương sau:

a) Phần mở đầu: giới thiệu ngắn gọn về công trình nghiên cứu, lý do lựa chọn đề tài, mục tiêu, đối tượng, phạm vi nghiên cứu, ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài;

b) Tổng quan về vấn đề nghiên cứu: phân tích, đánh giá các công trình nghiên cứu liên quan mật thiết đến đề tài luận án đã được công bố ở trong và ngoài nước, chỉ ra những vấn đề còn tồn tại mà luận án sẽ tập trung giải quyết, xác định mục tiêu của đề tài, nội dung và phương pháp nghiên cứu;

c) Cơ sở lý thuyết và các phương pháp nghiên cứu (một hoặc nhiều chương): trình bày cơ sở lý thuyết kế thừa từ người đi trước hay tự mình xây dựng; các phương pháp nghiên cứu đã được thực hiện;

d) Kết quả nghiên cứu và bàn luận (một hoặc nhiều chương): trình bày các kết quả đạt được về mặt lý thuyết và kết quả áp dụng; phân tích kết quả và nêu những vấn đề chưa được giải quyết;

đ) Kết luận và khuyến nghị: trình bày những phát hiện mới, những kết luận rút ra từ kết quả nghiên cứu; khuyến nghị về những nghiên cứu tiếp theo;

e) Danh mục công trình đã công bố: liệt kê các công trình đã công bố liên quan đến kết quả nghiên cứu của đề tài luận án;

g) Tài liệu tham khảo: danh mục tài liệu tham khảo được trích dẫn và sử dụng trong luận án;

h) Phụ lục (nếu có).

5. Về công bố: Nội dung chủ yếu và các kết quả nghiên cứu của luận án phải được:

a) Báo cáo tại các hội nghị khoa học chuyên ngành;

b) Công bố (nghiên cứu sinh đứng tên chính hoặc độc lập) ít nhất trong 2 bài báo trên tạp chí khoa học chuyên ngành có phản biện độc lập, được Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước tính điểm hoặc trên các tạp chí khoa học quốc tế có uy tín được liệt kê tại địa chỉ <http://science.thomsonreuters.com/mjl/> hoặc kỷ yếu Hội nghị khoa học quốc tế do một nhà xuất bản quốc tế có uy tín ấn hành.

6. Về đảm bảo quyền sở hữu trí tuệ:

a) Tuân thủ các quy định về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ được quy định tại Luật sở hữu trí tuệ. Tác giả luận án phải có cam đoan về công trình khoa học của mình trình bày trong luận án;

b) Nếu luận án là công trình khoa học hoặc một phần công trình khoa học của một tập thể trong đó tác giả đóng góp phần chính thì phải xuất trình các ý kiến bằng

văn bản của các thành viên trong tập thể đó đồng ý cho phép nghiên cứu sinh sử dụng công trình này trong luận án;

c) Việc sử dụng hoặc trích dẫn kết quả nghiên cứu (bảng, biểu, công thức, đồ thị cùng những tài liệu khác) của người khác hoặc của đồng tác giả phải được dẫn nguồn đầy đủ và rõ ràng.

Điều 41. Điều kiện để nghiên cứu sinh được bảo vệ luận án

1. Đã hoàn thành chương trình đào tạo trong thời gian quy định.
2. Đạt yêu cầu về trình độ ngoại ngữ: nghiên cứu sinh phải có một trong các chứng chỉ hoặc văn bằng sau đây:
 - a) Chứng chỉ ngôn ngữ Anh cấp độ B2 hoặc bậc 4/6 trở lên theo Khung tham khảo Châu Âu chung về ngoại ngữ do một cơ sở đào tạo đại học được phép cấp trong thời hạn 1 năm tính đến ngày trình hồ sơ bảo vệ luận án;
 - b) Chứng chỉ ngôn ngữ Anh: IELTS 5.5 điểm; TOEFL PBT 500 điểm, TOEFL CBT 173 điểm, TOEFL iBT 61 điểm hoặc TOEIC 600 điểm trở lên trong thời hạn 1 năm tính đến ngày trình hồ sơ bảo vệ luận án;
 - c) Bằng tốt nghiệp đại học hoặc bằng thạc sĩ được đào tạo ở nước ngoài mà ngôn ngữ được sử dụng trong đào tạo là ngôn ngữ Anh;
 - d) Bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ Anh.
3. Luận án đáp ứng các yêu cầu quy định tại Điều 26 và Điều 40 của Quy định này.
4. Tập thể người hướng dẫn có văn bản khẳng định chất lượng luận án, nhận xét về tinh thần, thái độ, kết quả học tập, nghiên cứu của nghiên cứu sinh và đề nghị cho nghiên cứu sinh được bảo vệ luận án.
5. Nghiên cứu sinh hiện không bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.
6. Hoàn thành đóng học phí và kinh phí bổ sung theo quy định.

Điều 42. Hồ sơ đề nghị bảo vệ luận án

Nghiên cứu sinh nộp cho khoa Sau Đại học hồ sơ đề nghị bảo vệ luận án gồm:

1. Đơn xin bảo vệ luận án (theo mẫu quy định).
2. Lý lịch khoa học của nghiên cứu sinh (theo mẫu quy định).
3. Hai (2) bản nhận xét của người hướng dẫn (theo mẫu quy định).
4. Bản sao quyết định công nhận nghiên cứu sinh và quyết định về những thay đổi trong quá trình đào tạo (nếu có).
5. Bản sao hợp lệ bằng tốt nghiệp đại học, bằng thạc sĩ (nếu có).
6. Bản sao hợp lệ bằng điểm đại học, thạc sĩ (nếu có), các học phần bổ sung, các học phần ở trình độ tiến sĩ, tiểu luận tổng quan, các chuyên đề tiến sĩ và chứng chỉ hoặc văn bằng Tiếng Anh.
7. Văn bản đồng ý của các đồng tác giả (nếu có).
8. Tám (8) quyển luận án đóng bìa mềm (trình bày theo quy định).
9. Tám (8) quyển tóm tắt luận án (trình bày theo quy định).
10. Tám (8) tập công trình khoa học đã công bố, bao gồm: bản kê, bản sao các bài báo, công trình khoa học đã công bố liên quan đến đề tài luận án.

Điều 43. Đánh giá luận án

1. Luận án tiến sĩ được đánh giá qua 2 cấp: cấp cơ sở và cấp Trường.

2. Ngoài ra luận án tiến sĩ có thể được thẩm định theo Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 44. Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở

1. Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở gồm 7 thành viên, có chức danh khoa học, có bằng tiến sĩ khoa học hoặc tiến sĩ từ 36 tháng trở lên, am hiểu lĩnh vực đề tài nghiên cứu, trong đó có ít nhất 2 nhà khoa học ở ngoài trường (có thể là người nước ngoài hoặc người Việt Nam ở nước ngoài).

2. Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở gồm Chủ tịch, Thư ký, 2 phản biện và các ủy viên Hội đồng. Mỗi thành viên Hội đồng chỉ đảm nhiệm một trách nhiệm trong Hội đồng, trong đó:

a) Chủ tịch Hội đồng phải có năng lực và uy tín chuyên môn, có kinh nghiệm trong tổ chức điều hành công việc của Hội đồng;

b) Người phản biện phải am hiểu luận án và không là cấp dưới trực tiếp của nghiên cứu sinh, không là đồng tác giả với nghiên cứu sinh trong các công trình đã công bố liên quan đến đề tài luận án.

3. Người hướng dẫn, người có quan hệ ruột thịt (cha, mẹ, vợ, chồng, con, anh chị em) với nghiên cứu sinh không tham gia Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở.

4. Hiệu trưởng quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở trên cơ sở đề nghị của trưởng khoa, viện quản lý ngành.

5. Hiệu trưởng quyết định về việc thay đổi thành viên Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở trong trường hợp bất khả kháng (như thành viên Hội đồng đi công tác nước ngoài dài hạn, ốm nặng không thể tham gia Hội đồng, hoặc khi có thành viên Hội đồng không đảm bảo các điều kiện yêu cầu quy định).

6. Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở tự giải thể sau khi hoàn thành việc đánh giá luận án hoặc quá 3 tháng kể từ ngày có quyết định thành lập mà Hội đồng vẫn chưa tổ chức họp đánh giá luận án phiên đầu tiên.

Điều 45. Điều kiện và yêu cầu tổ chức đánh giá luận án cấp cơ sở

1. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở:

a) Luận án được gửi đến các thành viên Hội đồng trước phiên họp Hội đồng ít nhất 15 ngày làm việc;

b) Các thành viên Hội đồng phải đọc luận án và có bản nhận xét trước khi dự phiên họp của Hội đồng;

c) Thời gian, địa điểm họp Hội đồng được thông báo trên website của khoa, viện quản lý ngành và Trường trước tối thiểu 10 ngày. Ngoài các thành viên Hội đồng, người hướng dẫn, trưởng bộ môn, khoa, viện quản lý ngành và khoa Sau Đại học là khách mời đương nhiên;

d) Trong thời hạn tối đa 3 tháng kể từ khi có quyết định thành lập, Hội đồng phải tiến hành họp đánh giá luận án. Quá thời hạn này, Hội đồng tự giải tán. Sau khi Hội đồng tự giải tán, nghiên cứu sinh có quyền tiếp tục đề nghị được bảo vệ luận án nếu đáp ứng các quy định tại Điều 40 và Điều 41 của Quy định này. Trình tự, thủ tục bảo vệ luận án thực hiện như đối với nghiên cứu sinh bảo vệ luận án cấp cơ sở lần đầu;

đ) Trong trường hợp có thay đổi thành viên Hội đồng, các thời hạn quy định liên quan đến hoạt động của các thành viên Hội đồng và việc tổ chức đánh giá luận án, được tính kể từ ngày ký quyết định cuối cùng về việc thay đổi thành viên Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở;

- e) Không rơi vào một trong các trường hợp sau đây:
- Vắng mặt Chủ tịch Hội đồng.
 - Vắng mặt Thư ký Hội đồng.
 - Vắng mặt người phản biện có ý kiến không tán thành luận án.
 - Vắng mặt từ 2 thành viên Hội đồng trở lên.
 - Nghiên cứu sinh đang bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.
2. Yêu cầu đối với buổi họp Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở:
- a) Tập trung đánh giá việc thực hiện mục tiêu nghiên cứu, nội dung và chất lượng luận án của nghiên cứu sinh;
 - b) Tranh thủ được nhiều ý kiến đóng góp của các nhà khoa học trong việc xem xét, đánh giá luận án của nghiên cứu sinh;
 - c) Mọi thành viên của khoa, viện quản lý ngành và những người quan tâm có thể tham dự;
 - d) Các thành viên Hội đồng phải có nhận xét chỉ ra những kết quả mới của luận án, những hạn chế, thiếu sót của luận án và yêu cầu nghiên cứu sinh bổ sung, sửa chữa;
 - đ) Nếu luận án vẫn còn những điểm cần bổ sung, sửa chữa, Hội đồng có thể họp nhiều lần nhưng không quá 3 phiên;
 - e) Luận án chỉ được Hội đồng thông qua để đưa ra bảo vệ cấp Trường khi đã được hoàn chỉnh trên cơ sở các ý kiến đóng góp trong các phiên họp của Hội đồng và được tối thiểu 3/4 số thành viên Hội đồng có mặt tại phiên họp cuối cùng bỏ phiếu tán thành;
 - g) Nếu luận án được thông qua để bảo vệ cấp Trường, Hội đồng thông qua:
 - Danh sách tổ chức và cá nhân để gửi tóm tắt luận án. Danh sách gồm các tổ chức và cá nhân có trình độ tiến sĩ trở lên, cùng ngành hoặc chuyên ngành, đã và đang nghiên cứu hoặc có thể ứng dụng kết quả nghiên cứu trong luận án, trong đó số lượng cá nhân thuộc Trường không quá 1/4 tổng số cá nhân trong danh sách.
 - Danh sách giới thiệu Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường gồm 15 người trong đó có Chủ tịch Hội đồng, Thư ký Hội đồng, 3 người phản biện là người ngoài Trường, còn lại là các Ủy viên Hội đồng.
3. Khoa, viện quản lý ngành chịu trách nhiệm tổ chức đánh giá luận án cấp cơ sở theo quy định.
4. Nghiên cứu sinh không được tham gia vào quá trình chuẩn bị và tổ chức đánh giá luận án.

Điều 46. Hồ sơ đề nghị cho nghiên cứu sinh bảo vệ luận án cấp Trường

Trong thời gian không quá 2 tháng kể từ khi luận án được thông qua ở cấp cơ sở, trưởng khoa, viện quản lý ngành lập hồ sơ gửi Hiệu trưởng (qua khoa Sau Đại học) đề nghị cho nghiên cứu sinh bảo vệ luận án cấp Trường. Hồ sơ gồm:

1. Biên bản chi tiết nội dung thảo luận tại các phiên họp đánh giá luận án cấp cơ sở, có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng và Thư ký Hội đồng.
2. Bản giải trình các điểm đã bổ sung và sửa chữa của nghiên cứu sinh sau mỗi phiên họp của Hội đồng, có chữ ký xác nhận và đồng ý của Chủ tịch Hội đồng và những thành viên có ý kiến đề nghị bổ sung sửa chữa.
3. Hai (2) bản nhận xét của 2 người phản biện luận án.
4. Bản sao hợp lệ bằng tốt nghiệp đại học, bằng thạc sĩ.
5. Bản sao hợp lệ bằng điểm thạc sĩ, các học phần bổ sung, các học phần ở trình

độ tiến sĩ, các chuyên đề tiến sĩ, tiểu luận tổng quan và chứng chỉ hoặc bằng Tiếng Anh của nghiên cứu sinh.

6. Bản sao quyết định công nhận nghiên cứu sinh và quyết định về những thay đổi trong quá trình đào tạo (nếu có).

7. Văn bản đồng ý của các đồng tác giả (nếu có).

8. Ba (3) quyền luận án đã bổ sung, sửa chữa theo yêu cầu của Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở và ba (03) quyền tóm tắt luận án (trình bày theo mẫu quy định).

9. Ba (3) bản kê và bản sao các bài báo, công trình khoa học đã công bố liên quan đến đề tài luận án.

10. Trang thông tin tóm tắt những đóng góp mới về mặt học thuật, lý luận của luận án (bằng Tiếng Việt và Tiếng Anh, trình bày theo mẫu quy định). Nội dung gồm:

- Tên nghiên cứu sinh và khóa đào tạo.

- Tên luận án.

- Ngành đào tạo và mã số.

- Người hướng dẫn: chức danh khoa học, học vị và họ tên của người hướng dẫn.

- Cơ sở đào tạo.

- Nội dung: trình bày ngắn gọn những đóng góp mới về mặt học thuật, lý luận, những luận điểm mới rút ra từ kết quả nghiên cứu của luận án.

- Chữ ký và họ tên của nghiên cứu sinh.

- Chữ ký và họ tên của (tập thể) người hướng dẫn.

11. Danh sách giới thiệu Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường.

12. Danh sách tổ chức và cá nhân được gửi tóm tắt luận án.

13. Các tài liệu khác của Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở.

Điều 47. Phản biện độc lập

1. Trước khi thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường, Hiệu trưởng xin ý kiến của 2 phản biện độc lập về luận án. Ý kiến của phản biện độc lập có vai trò tư vấn cho Hiệu trưởng trong việc xem xét đánh giá chất lượng của luận án và quyết định cho nghiên cứu sinh bảo vệ luận án cấp Trường.

2. Phản biện độc lập là những nhà khoa học trong hoặc ngoài nước, có trình độ chuyên môn vững vàng trong lĩnh vực đề tài nghiên cứu của nghiên cứu sinh, có phẩm chất và đạo đức tốt, có uy tín khoa học cao, có chính kiến và bản lĩnh khoa học.

3. Danh sách phản biện độc lập là tài liệu mật của Trường. Khoa, viện quản lý ngành, bộ môn, người hướng dẫn và nghiên cứu sinh không được tìm hiểu về phản biện độc lập. Các phản biện độc lập phải có trách nhiệm bảo mật nhiệm vụ, chức trách của mình, kể cả khi đã hoàn thành việc phản biện luận án hay khi tham gia vào Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường.

4. Khi cả 2 phản biện độc lập tán thành luận án, Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường. Khi có 1 phản biện độc lập không tán thành luận án, Hiệu trưởng gửi luận án xin ý kiến phản biện độc lập thứ ba. Nếu phản biện độc lập thứ ba tán thành luận án thì luận án được đưa ra bảo vệ ở cấp Trường.

5. Nếu cả 2 phản biện độc lập đầu tiên hoặc phản biện độc lập thứ ba không tán thành luận án:

a) Nghiên cứu sinh phải chỉnh sửa luận án để bảo vệ lại ở cấp cơ sở sớm nhất sau 6 tháng và muộn nhất là 20 tháng kể từ ngày luận án bị trả lại;

b) Luận án sau khi được đánh giá lại ở cấp cơ sở phải được lấy ý kiến của các

phản biện độc lập lần đầu;

c) Trường hợp các phản biện độc lập vẫn không tán thành luận án, nghiên cứu sinh sẽ bị dừng đào tạo và trả về cơ quan công tác.

6. Hiệu trưởng chịu trách nhiệm tổ chức phản biện độc lập theo quy định.

Điều 48. Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường

1. Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường gồm 7 thành viên, có chức danh giáo sư, phó giáo sư, có bằng tiến sĩ khoa học hoặc tiến sĩ; có phẩm chất đạo đức tốt; có uy tín chuyên môn; am hiểu vấn đề nghiên cứu của luận án; có công trình liên quan đến lĩnh vực nghiên cứu của nghiên cứu sinh công bố trong vòng 3 năm tính đến khi được mời tham gia Hội đồng, trong đó:

a) Số thành viên thuộc cơ sở đào tạo không quá 3 người;

b) Số thành viên có chức danh giáo sư, phó giáo sư ít nhất là 2 người;

c) Thành viên là tiến sĩ phải đã nhận bằng đủ 36 tháng tính đến ngày thành lập Hội đồng.

2. Hội đồng gồm Chủ tịch, Thư ký, 3 phản biện và các uỷ viên. Mỗi thành viên Hội đồng chỉ đảm nhận một trách nhiệm trong Hội đồng, trong đó:

a) Chủ tịch Hội đồng phải là người có năng lực và uy tín chuyên môn, có chức danh giáo sư hoặc phó giáo sư, đúng chuyên ngành với luận án;

b) Các phản biện phải là người am hiểu sâu sắc luận án, có uy tín chuyên môn cao trong lĩnh vực khoa học đó. Người phản biện phải có trách nhiệm cao trong đánh giá chất lượng khoa học của luận án. Các phản biện phải là người ở các đơn vị khác nhau, không là cấp dưới trực tiếp của nghiên cứu sinh, không là đồng tác giả với nghiên cứu sinh trong các công trình đã công bố có liên quan đến đề tài luận án; không sinh hoạt trong cùng đơn vị chuyên môn với nghiên cứu sinh.

3. Người hướng dẫn, người có quan hệ ruột thịt (cha, mẹ, vợ, chồng, con, anh chị em) với nghiên cứu sinh không tham gia Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường.

4. Hiệu trưởng quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường trên cơ sở đề nghị của Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở và Trường khoa Sau Đại học.

5. Hiệu trưởng quyết định về việc thay đổi thành viên Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường trong trường hợp bất khả kháng (như thành viên Hội đồng đi công tác nước ngoài dài hạn, ốm nặng không thể tham gia Hội đồng, hoặc khi có thành viên Hội đồng không đảm bảo các điều kiện yêu cầu quy định).

6. Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường tự giải thể sau khi hoàn thành đánh giá luận án hoặc quá 3 tháng kể từ ngày quyết định thành lập mà Hội đồng vẫn chưa họp đánh giá luận án.

Điều 49. Điều kiện tổ chức đánh giá luận án cấp Trường

1. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường:

a) Thời gian, địa điểm bảo vệ luận án, tên đề tài luận án của nghiên cứu sinh đã được công bố trên website của Trường, trên báo Khánh Hòa hoặc báo Nhân Dân trước buổi họp đánh giá luận án tối thiểu 10 ngày. Người hướng dẫn, trưởng bộ môn, khoa, viện quản lý ngành là khách mời đương nhiên;

b) Luận án, tóm tắt luận án đã được gửi đến các thành viên Hội đồng, các nhà khoa học, các tổ chức khoa học theo danh sách đã được Hiệu trưởng phê duyệt và đã được trưng bày ở Phòng đọc của Thư viện Trường trước buổi họp đánh giá luận án tối thiểu 30 ngày;

c) Toàn văn luận án, tóm tắt luận án (bằng Tiếng Việt và Tiếng Anh) và trang thông tin những đóng góp mới về mặt học thuật, lý luận, luận điểm mới về khoa học và thực tiễn của luận án (bằng Tiếng Việt và Tiếng Anh) đã được đăng tải công khai trên website của Trường trước buổi họp đánh giá luận án tối thiểu 30 ngày;

d) Các thành viên Hội đồng phải có nhận xét về luận án bằng văn bản gửi đến khoa Sau Đại học trước buổi họp đánh giá luận án tối thiểu 15 ngày. Bản nhận xét luận án của các thành viên Hội đồng (theo mẫu quy định) phải đánh giá đầy đủ và cụ thể về bố cục và hình thức của luận án; về nội dung, phương pháp, kết quả, ý nghĩa, độ tin cậy của các kết quả đạt được, trong đó phải nêu bật được những luận điểm mới của luận án;

đ) Có ít nhất 15 bản nhận xét (theo mẫu quy định) về quyền tóm tắt luận án của các nhà khoa học thuộc ngành, lĩnh vực nghiên cứu có trong danh sách gửi tóm tắt luận án gửi đến khoa Sau Đại học trước buổi đánh giá luận án tối thiểu 15 ngày;

e) Không rơi vào một trong các trường hợp sau:

- Vắng mặt Chủ tịch Hội đồng.
- Vắng mặt Thư ký Hội đồng.
- Vắng mặt người phản biện có ý kiến không tán thành luận án.
- Vắng mặt từ 2 thành viên Hội đồng trở lên.
- Nghiên cứu sinh đang bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.
- Có 2 nhận xét của thành viên Hội đồng không tán thành luận án. Trường hợp này luận án được xem là không đạt yêu cầu, không cần phải tổ chức họp đánh giá luận án.

2. Trong thời hạn tối đa 3 tháng kể từ khi có quyết định thành lập, Hội đồng phải tiến hành họp đánh giá luận án. Quá thời hạn này, Hội đồng tự giải tán. Sau khi Hội đồng tự giải tán, nghiên cứu sinh có quyền tiếp tục đề nghị được bảo vệ luận án nếu đáp ứng các quy định tại Điều 40 và Điều 41 của Quy định này. Trình tự, thủ tục bảo vệ luận án thực hiện như đối với nghiên cứu sinh bảo vệ luận án cấp Trường lần đầu.

3. Trong trường hợp có thay đổi thành viên Hội đồng, các thời hạn quy định liên quan đến hoạt động của các thành viên Hội đồng và việc tổ chức đánh giá luận án, được tính kể từ ngày ký quyết định cuối cùng về việc thay đổi thành viên Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường.

Điều 50. Yêu cầu đối với tổ chức đánh giá luận án cấp Trường

1. Luận án phải được đánh giá và bảo vệ công khai.

2. Việc đánh giá và bảo vệ luận án phải mang tính chất trao đổi học thuật, qua đó nghiên cứu sinh thể hiện trình độ và sự hiểu biết về lĩnh vực chuyên môn của mình trước Hội đồng và những người quan tâm. Mọi thành viên Hội đồng phải có trách nhiệm tìm hiểu đầy đủ về bản luận án trước khi đánh giá.

3. Toàn bộ diễn biến của phiên họp đánh giá luận án phải được ghi thành biên bản chi tiết, đặc biệt phần hỏi và trả lời của nghiên cứu sinh cho từng câu hỏi. Biên bản phải được toàn thể Hội đồng thông qua, có chữ ký của Chủ tịch và Thư ký Hội đồng.

4. Luận án được đánh giá bằng hình thức bỏ phiếu kín. Các thành viên Hội đồng chỉ được bỏ phiếu tán thành hoặc không tán thành. Phiếu trắng được coi là phiếu không tán thành. Luận án đạt yêu cầu khi có tối thiểu 6/7 hoặc 5/6 thành viên Hội đồng có mặt bỏ phiếu tán thành.

5. Hội đồng phải có nghị quyết về luận án, trong đó nêu rõ:

- a) Kết quả bỏ phiếu đánh giá luận án của Hội đồng;

- b) Những kết luận khoa học chính, những điểm mới, đóng góp mới của luận án;
 - c) Cơ sở khoa học, độ tin cậy của những luận điểm và những kết luận nêu trong luận án;
 - d) Ý nghĩa lý luận, thực tiễn và các đề xuất sử dụng kết quả nghiên cứu của luận án;
 - đ) Những thiếu sót về nội dung và hình thức của luận án;
 - e) Những điểm cần bổ sung, sửa chữa (nếu có) trước khi nộp luận án cho Thư viện Quốc gia và Thư viện Trường;
 - g) Mức độ đáp ứng các yêu cầu của luận án;
 - h) Kiến nghị của Hội đồng về việc công nhận trình độ và cấp bằng tiến sĩ cho nghiên cứu sinh.
6. Nghị quyết của Hội đồng phải được các thành viên Hội đồng nhất trí thông qua bằng hình thức biểu quyết công khai.
7. Sau khi nghiên cứu sinh hoàn thành việc bổ sung, sửa chữa luận án (nếu có) theo nghị quyết của Hội đồng và có văn bản giải trình chi tiết về các điểm đã bổ sung, sửa chữa, Chủ tịch Hội đồng có trách nhiệm kiểm tra lại luận án và ký xác nhận văn bản báo cáo của nghiên cứu sinh trước khi luận án được nộp cho Thư viện Quốc gia và Thư viện Trường.
8. Khoa Sau Đại học chịu trách nhiệm tổ chức đánh giá luận án cấp Trường theo quy định.
9. Nghiên cứu sinh không được tham gia vào quá trình chuẩn bị và tổ chức đánh giá luận án.

Điều 51. Bảo vệ luận án lần thứ hai

1. Nếu luận án không đạt yêu cầu theo đánh giá của Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường, nghiên cứu sinh được phép sửa chữa và đề nghị bảo vệ luận án lần thứ hai muộn nhất trước 24 tháng kể từ ngày bảo vệ lần thứ nhất.
2. Thành phần Hội đồng đánh giá luận án lần thứ hai giống như Hội đồng đánh giá luận án lần thứ nhất trừ trường hợp bất khả kháng.
3. Trường tổ chức đánh giá luận án lần thứ hai như đánh giá lần đầu.
4. Trường hợp luận án vẫn không đạt yêu cầu, nghiên cứu sinh sẽ bị dừng đào tạo và trả về cơ quan công tác.

Điều 52. Chuyển sang cơ sở đào tạo khác

1. Khi có lý do chính đáng, nghiên cứu sinh có thể xin chuyển sang cơ sở đào tạo khác với điều kiện:
 - a) Thời hạn học tập theo quy định còn ít nhất 1 năm;
 - b) Được cơ sở chuyển đến tiếp nhận.
2. Hiệu trưởng quyết định cho phép nghiên cứu sinh chuyển sang cơ sở đào tạo khác trên cơ sở đề nghị của Trưởng khoa Sau Đại học.

Điều 53. Tiếp nhận từ cơ sở đào tạo khác

1. Nghiên cứu sinh từ cơ sở đào tạo có thể xin chuyển về trường nếu:
 - a) Thời hạn học tập theo quy định còn ít nhất 1 năm;
 - b) Được cơ sở đang đào tạo đồng ý;
 - c) Ngành đào tạo của nghiên cứu sinh đúng với ngành đào tạo của trường.

2. Hiệu trưởng quyết định tiếp nhận nghiên cứu sinh từ cơ sở đào tạo khác trên cơ sở đề nghị của khoa, viện quản lý ngành và Trường khoa Sau Đại học.

Điều 54. Chuyển xuống chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ

1. Nghiên cứu sinh chưa có bằng thạc sĩ có thể chuyển xuống học chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ cùng ngành của Trường nếu:

a) Đã hoàn thành các học phần bổ sung ở trình độ thạc sĩ và đại học (nếu có) theo quy định của chương trình trình đào tạo trình độ tiến sĩ cùng ngành;

b) Đã bảo vệ đề cương nghiên cứu và tiểu luận tổng quan.

2. Thời gian đào tạo ở trình độ thạc sĩ của nghiên cứu sinh được tính từ khi có quyết định công nhận nghiên cứu sinh.

3. Hiệu trưởng quyết định chuyển nghiên cứu sinh xuống học chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ cùng ngành trên cơ sở đề nghị của trường khoa, viện quản lý ngành và Trường khoa Sau Đại học.

Điều 55. Gia hạn thời gian đào tạo

1. Nếu nghiên cứu sinh không có khả năng hoàn thành chương trình đào tạo đúng thời hạn quy định thì chậm nhất 6 tháng trước khi hết hạn phải làm đơn xin gia hạn học tập, nghiên cứu và kế hoạch chi tiết để hoàn thành nhiệm vụ học tập và nghiên cứu trong thời gian gia hạn, có ý kiến của người hướng dẫn và cơ quan cử đi học (nếu có).

2. Việc gia hạn thời gian đào tạo chỉ được giải quyết khi có lý do chính đáng với các điều kiện đảm bảo trong thời gian gia hạn nghiên cứu sinh hoàn thành được nhiệm vụ học tập và nghiên cứu.

3. Thời gian gia hạn không quá 24 tháng.

4. Đối với nghiên cứu sinh theo hình thức không tập trung khi được gia hạn phải làm việc tại khoa, viện và bộ môn quản lý để hoàn thành nhiệm vụ học tập và nghiên cứu trong thời gian được gia hạn.

5. Hiệu trưởng quyết định gia hạn thời gian đào tạo trên cơ sở đề nghị của trường khoa, viện quản lý ngành và Trường khoa Sau Đại học.

Điều 56. Dừng đào tạo và trả nghiên cứu sinh về cơ quan công tác

1. Nghiên cứu sinh bị dừng đào tạo và trả về cơ quan công tác trong các trường hợp sau:

a) Nghiên cứu sinh có học phần, đề cương nghiên cứu, tiểu luận tổng quan hoặc chuyên đề tiến sĩ không đạt yêu cầu theo quy định;

b) Nghiên cứu sinh chưa đáp ứng đủ điều kiện bảo vệ luận án theo quy định tại Điều 41 của Quy định này trong thời gian đào tạo, kể cả thời gian gia hạn nếu có;

c) Luận án của nghiên cứu sinh không được Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở thông qua hoặc không được các phản biện độc lập lần thứ hai tán thành hoặc không đạt yêu cầu khi đánh giá ở cấp Trường.

2. Hiệu trưởng quyết định dừng đào tạo và trả nghiên cứu sinh về cơ quan công tác trên cơ sở đề nghị của Trường khoa Sau Đại học.

Điều 57. Trình luận án sau thời hạn đào tạo

1. Sau khi hết thời gian đào tạo (kể cả thời gian gia hạn), nghiên cứu sinh có thể trở lại Trường trình luận án để bảo vệ nếu đề tài luận án và các kết quả nghiên cứu vẫn đảm bảo tính thời sự, giá trị khoa học và được người hướng dẫn đồng ý.

2. Thời gian tối đa cho phép trình luận án để bảo vệ là 7 năm (84 tháng) kể từ ngày có quyết định công nhận nghiên cứu sinh.

3. Quá thời gian trên, nghiên cứu sinh không được bảo vệ luận án và kết quả học các học phần thuộc chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ không được bảo lưu.

Chương 5. CẤP BẰNG TIẾN SĨ

Điều 58. Điều kiện xét cấp bằng tiến sĩ

Trường xét cấp bằng tiến sĩ cho nghiên cứu sinh khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

1. Nghiên cứu sinh đã bảo vệ thành công luận án tại Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường tối thiểu 3 tháng.

2. Nghiên cứu sinh đã chỉnh sửa, bổ sung luận án theo nghị quyết của Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ cấp Trường, đã được Chủ tịch Hội đồng kiểm tra và xác nhận, kể cả trường hợp luận án đạt yêu cầu thẩm định (nếu có) theo Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Nghiên cứu sinh không có tên trong danh sách thẩm định luận án hoặc thẩm định quá trình đào tạo theo thông báo của Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc có luận án đạt yêu cầu thẩm định hoặc có hồ sơ đào tạo đạt yêu cầu thẩm định theo Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

4. Nghiên cứu sinh đã nộp Thư viện Quốc gia Việt Nam 1 quyển luận án, 1 quyển tóm tắt luận án, 1 đĩa CD ghi toàn văn luận án và tóm tắt luận án (bao gồm cả trang bìa). Quyển luận án nộp cho Thư viện gồm 2 phần:

a) Phần 1 là toàn văn quyển luận án đã được bổ sung, sửa chữa theo yêu cầu của Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường và của người thẩm định độc lập hoặc Hội đồng thẩm định của Bộ Giáo dục và Đào tạo (nếu có);

b) Phần 2 là các tài liệu của buổi bảo vệ, đánh giá luận án cấp Trường, đóng quyển cùng với luận án, bao gồm:

- Quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường và danh sách thành viên Hội đồng.

- Các bản nhận xét của tất cả thành viên Hội đồng.

- Biên bản và nghị quyết của Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường.

- Văn bản báo cáo chi tiết về các điểm đã bổ sung, sửa chữa trong luận án (nếu có) theo nghị quyết của Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường, có xác nhận của Chủ tịch Hội đồng.

Điều 59. Hồ sơ xét cấp bằng tiến sĩ

Khoa Sau Đại học lập hồ sơ xét cấp bằng tiến sĩ cho nghiên cứu sinh bao gồm:

1. Biên bản chi tiết diễn biến của buổi bảo vệ luận án, câu hỏi của các thành viên Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường và những người tham dự, trả lời của nghiên cứu sinh cho từng câu hỏi.

2. Nghị quyết của Hội đồng.

3. Các bản nhận xét của các thành viên của Hội đồng, cơ quan và nhà khoa học

gửi tới Hội đồng.

4. Biên bản kiểm phiếu và các phiếu đánh giá.
5. Bản nhận xét của người hướng dẫn.
6. Danh sách Hội đồng có chữ ký của các thành viên tham dự buổi đánh giá.
7. Tờ báo đăng tin buổi bảo vệ.
8. Bản in trang thông tin Những đóng góp mới của luận án trên website của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
9. Giấy biên nhận luận án của Thư viện Quốc gia và Thư viện Trường.

Điều 60. Cấp bằng tiến sĩ

Hiệu trưởng có trách nhiệm tổ chức thẩm tra quá trình đào tạo, chất lượng luận án, việc tổ chức và hoạt động của Hội đồng đánh giá luận án các cấp trước khi tổ chức họp Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường để thông qua danh sách nghiên cứu sinh được cấp bằng tiến sĩ và ra quyết định cấp bằng tiến sĩ cho nghiên cứu sinh.

Chương 6. HỌC PHÍ VÀ KINH PHÍ BỔ SUNG

Điều 61. Học phí

1. Mức học phí được Trường xem xét vào đầu mỗi năm học và thông báo tới nghiên cứu sinh nếu có sự điều chỉnh.
2. Nghiên cứu sinh đóng học phí theo năm học và vào đầu mỗi năm học.

Điều 62. Kinh phí bổ sung

1. Ngoài việc đóng học phí theo quy định, nghiên cứu sinh phải đóng kinh phí bổ sung trong các trường hợp sau đây:
 - a) Nghiên cứu sinh gia hạn thời gian đào tạo;
 - b) Nghiên cứu sinh bảo vệ đề cương nghiên cứu, tiểu luận tổng quan, chuyên đề tiến sĩ và luận án (cấp cơ sở hoặc phản biện độc lập hoặc cấp Trường) lần thứ hai;
 - c) Luận án của nghiên cứu sinh được thẩm định theo yêu cầu của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
2. Mức thu kinh phí bổ sung được Trường xem xét vào đầu mỗi năm học và thông báo tới nghiên cứu sinh nếu có sự điều chỉnh.

Chương 7. KHIẾU NẠI, TỐ CÁO VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 63. Khiếu nại và tố cáo

1. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân và người bảo vệ luận án có thể khiếu nại, tố cáo về những vi phạm trong quá trình tuyển sinh, đào tạo, thực hiện luận án, tổ chức đánh giá luận án, trong thời gian 2 tháng kể từ ngày đánh giá luận án cấp Trường.
2. Việc khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại, tố cáo thực hiện theo quy định của Luật Khiếu nại và Luật Tố cáo.
3. Trường hợp cần thẩm định hồ sơ, luận án trong quá trình giải quyết khiếu nại, tố cáo thì hồ sơ thẩm định, trình tự thẩm định thực hiện theo Quy chế đào tạo trình

độ tiến sĩ của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 64. Xử lý vi phạm

1. Trường hợp nghiên cứu sinh bị phát hiện đã có những vi phạm, gian lận trong hồ sơ dự tuyển, trong quá trình dự tuyển, dự kiểm tra và đánh giá kết quả học tập nghiên cứu, trong quá trình thực hiện và bảo vệ luận án thì tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị kỷ luật theo một trong các mức: khiển trách, cảnh cáo, tạm ngừng học tập, đình chỉ học tập, thu hồi văn bằng đã được cấp (đối với nghiên cứu sinh đã được cấp bằng), truy cứu trách nhiệm hình sự.

2. Nghiên cứu sinh vi phạm các quy định tại khoản 5 Điều 7 của Quy định này sẽ bị xử lý từ khiển trách, cảnh cáo đến hủy bỏ kết quả học tập, hủy bỏ quyền được bảo vệ luận án. Nếu thông tin về người phản biện độc lập bị tiết lộ thì những người liên quan đến quá trình gửi luận án đi xin ý kiến phản biện độc lập bị xem xét kỷ luật từ khiển trách, cảnh cáo đến buộc thôi việc.

3. Người hướng dẫn nghiên cứu sinh vi phạm các quy định tại Điều 5 và Điều 6 của Quy định này, tùy theo mức độ vi phạm, sẽ bị xử lý theo các hình thức: không được nhận thêm nghiên cứu sinh mới, không được tiếp tục hướng dẫn nghiên cứu sinh hiện tại hoặc không được nhận nghiên cứu sinh mới trong 3 năm tiếp theo.
